

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách huyện năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật NSNN ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc: "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước"; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính về việc: "Hướng dẫn thực hiện Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước";

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc: " Ban hành quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân";

Căn cứ Thông tư số 03//2005TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc: "Hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính";

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2016;

Căn cứ Thông báo số 4944/STC-NSHX ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Sở Tài chính Thanh Hóa về việc thông báo dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2015/NQ-HĐND ngày 24/12/2015 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn Khóa XVI kỳ họp thứ 16 về việc: "Phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2016";

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2016 ngân sách huyện, cụ thể như sau:

(Có các phụ lục đính kèm)

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các Phòng, Ban cấp huyện; Trưởng các Ban, ngành đoàn thể cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này. / *rs*

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- TT huyện ủy (để báo cáo);
- TT HĐND (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Lê Quang Hùng

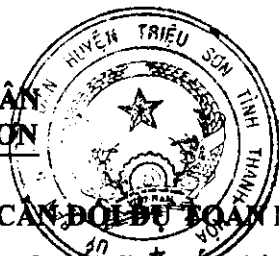


CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 186 /QĐ-UBND ngày 22 /01/2016 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017
I	Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	539.626
1	Thu nội địa	137.666
2	Thu từ xuất khẩu , nhập khẩu (Số cân đối)	401.960
3	Thu viện trợ	
II	Thu ngân sách huyện	538.923
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	136.963
-	Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	13.275
-	Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	123.688
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	401.960
-	Bổ sung cân đối	374.199
-	Bổ sung mục tiêu	27.761
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	
III	Chi ngân sách huyện	538.923
1	Chi đầu tư phát triển	75.000
2	Chi thường xuyên	455.161
3	Chi dự phòng	8.762
4	Chi trợ cấp cân đối NS	
5	Chi chuyển nguồn NS sang năm sau	



CÂN ĐO LỰU TOÁN NS CẤP HUYỆN VÀ NS CẤP XÃ NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 186 /QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	471.084
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	69.124
-	Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	1.769
-	Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	67.355
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	401.960
-	Bổ sung cân đối	374.199
-	Bổ sung mục tiêu	27.761
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách huyện	368.132
1	Chi đầu tư phát triển	25.000
2	Chi thường xuyên	337.156
3	Chi dự phòng	5.976
4	Chi chuyển nguồn NS sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	170.791
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	67.839
-	Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	8.844
-	Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	58.995
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	102.952
-	Bổ sung cân đối	102.952
-	Bổ sung mục tiêu	
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách huyện	170.791
1	Chi đầu tư phát triển	50.000
2	Chi thường xuyên	118.005
3	Chi dự phòng	2.786
4	Chi chuyển nguồn NS sang năm sau	



BẢNG DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 186 /QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017
	TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	130.193
I	Thu nội địa	130.193
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	23.146
-	Thuế GTGT; thuế TNDN; Thuế tiêu thụ đặc biệt	16.534
-	Thuế thu nhập cá nhân	4.200
-	Thuế môn bài	951
-	Thuế BVMT - Cấp quyền KTKS	135
-	Thu từ DNNN	100
-	Thuế tài nguyên	876
-	Thu khác ngoài QD	350
2	Thuế sử dụng đất phi NN	1.944
3	Lệ phí trước bạ	20.703
4	Thu phí lệ phí	1.100
5	Các khoản thu về đất	76.300
-	Thuế nhà đất	
-	Tiền thuê đất, mặt nước	1.300
-	Thu giao quyền sử dụng đất	75.000
6	Thu khác ngân sách	500
7	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	6.500
II	Thu viện trợ không hoàn lại	
	Tổng thu ngân sách huyện	
B	Các khoản thu cân đối ngân sách huyện	538.923
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	536.456
1	Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	13.275
2	Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	121.221
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	401.960
4	Thu kết dư	
II	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN	2.467

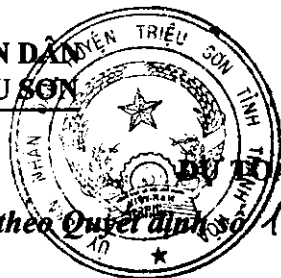


DỰ TOÁN CHI NS HUYỆN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 186 /QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	538.923
A	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	536.456
I	Chi đầu tư phát triển	75.000
	<i>Trong đó</i>	
1	Chi cho giáo dục và đào tạo	1.391
2	Chi cho khoa học và công nghệ	
II	Chi thường xuyên	452.694
	<i>Trong đó</i>	
1	Chi cho giáo dục và đào tạo	225.567
2	Chi cho khoa học và công nghệ	35
III	Chi dự phòng	8.762
IV	Chi chuyển nguồn	
B	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	2467



DỰ TOÁN CHI NS CẤP HUYỆN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 186 /QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

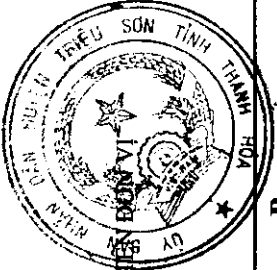
STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	471.084
I	Chi đầu tư phát triển	25.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	15.437
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.391
-	Chi khoa học và công nghệ	
2	Chi đầu tư phát triển khác	9.563
II	Chi thường xuyên	337.156
1	Chi quốc phòng	4.064
2	Chi an ninh	308
3	Chi giáo dục &ĐT	224.495
4	Chi Y tế	25.714
5	Chi khoa học công nghệ	35
6	Chi VH TT - TDTT	2.033
7	Cho phát thanh, truyền hình	1.002
8	Chi đảm bảo XH	45.444
9	Chi SN kinh tế	5.910
10	Chi NS môi trường	1.566
11	Chi quản lý hành chính	26.085
12	Chi khác	500
III	Dự phòng	5.976
IV	Chi BS NS cấp xã	102.952
V	Chi chuyển nguồn NS sang năm sau	



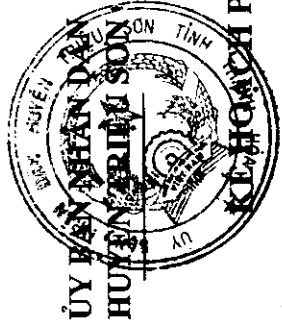
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỜ CHỨC NĂM 2016
 (Kèm theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	311.968	0	311.968	0	0	0	0	0	0
I	Tổng cộng	311.968	0	311.968	0	0	0	0	0	0
1	Văn Phòng Huyện ủy	7.199		7.199						
2	Văn Phòng UBND huyện	1.337		1.337						
3	Văn Phòng UBND huyện	12.455		12.455						
4	Trạm Khuyến nông	830		830						
5	Đài truyền thanh	1.016		1.016						
6	Trung tâm VH TT-TDTT	1.204		1.204						
7	Mặt trận	1.058		1.058						
8	Đoàn thanh niên	822		822						
9	Hội phụ nữ	809		809						
10	Hội Nông dân	747		747						
11	Hội Cựu chiến binh	581		581						
12	Các Hội đặc thù	427		427						
13	Hội người mù	247		247						
14	Đội đảm bảo GT	769		769						
15	Công an huyện	308		308						
16	Huyện đội	4.064		4.064						

STT		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGẮN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	Phòng giáo dục và đào tạo	1.368		1.368						
18	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1.344		1.344						
19	Trung tâm GD TX - GD NN	4.098		4.098						
20	Phòng lao động TB&XH	63.942		63.942						
22	Khối mầm non	38.605		38.605						
23	Khối tiểu học	85.222		85.222						
24	Khối THCS	76.846		76.846						
25	Các xã Thị trấn	6.670		6.670			0			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN DO HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND huyện)

I. NGUỒN VỐN:

Thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 75.000 triệu đồng

Trong đó:

- Ngân sách huyện: 25.000 triệu đồng
- Ngân sách xã: 50.000 triệu đồng

(Bao gồm cả nguồn dự kiến thu từ đấu thầu dự án SD đất tại khu đô thị Thị trấn)

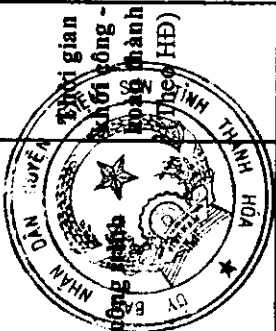
II. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ:

1. Bổ trí đủ vốn trả nợ vay NS cấp trên và các cơ chế của huyện;
2. Bổ trí đảm bảo 100% vốn còn thiếu cho các dự án đã có quyết toán được duyệt và KP GPMB của các dự án.
3. Bổ trí 70% nhu cầu vốn của dự án hoàn thành, nhưng chưa có quyết toán được duyệt, số vốn còn thiếu sẽ thanh toán khi có quyết toán và có nguồn;
4. Các dự án chuyển tiếp: Bổ trí vốn theo tiến độ thực hiện và khả năng cân đối nguồn vốn;
5. Bổ trí vốn đối ứng để thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn NS Tỉnh, TW hỗ trợ và khởi công mới dự án thực sự cấp bách.

ĐVT: Triệu đồng

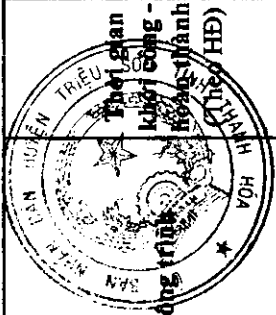
TT	Tên dự án, công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành (Theo HĐ)	Tổng mức đầu tư được duyệt			Kế hoạch vốn đã giao		Ước giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2016	Vốn còn thiếu		Kế hoạch năm 2016	Mục tiêu đầu tư	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)		
			Tổng số	NS Tỉnh	NS Huyện	NS Huyện khác	Tổng số		Tỷ lệ vốn đã bố trí (%)	Trong đó				Tổng số	NS Huyện
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8	9	10=8/4	11	12	13=6-9	14	15	16
TỔNG SỐ			371.589	231.020	66.061	0	167.347	24.372	45,0	225.170	194.974	37.297	25.000		
I	Trả nợ vốn vay tín dụng DA Đường cải dịch TL 506 qua ĐT Nura		16.000		16.000		8.000	8.000	50,0		8.000	8.000	4.000	Trả nợ theo kế ước vay	Dừng thực hiện DA

TT	Tên dự án, công trình - công trình công nghệ (hoặc HĐ)	Thời gian	Tổng mức đầu tư được duyệt				Kế hoạch vốn đã giao			Ước giá lượng thực hiện đến 31/12/2016	Vốn còn thiếu		Kế hoạch năm 2016	Mục tiêu đầu tư	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Trong đó: NS huyện	Tỷ lệ vốn đã bố trí (%)		Tổng số	Trong đó			
			NS Tỉnh	NS Huyện	Nguồn vốn khác										
I	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8	9	10=8/4	11	12	13=6-9	14	15	16
II	Thực hiện các cơ chế của huyện		7.350	0	7.350								7.350		
1	Thưởng cho xã đạt chuẩn NTM	4 xã	4.000		4.000								4.000		
2	Hỗ trợ XD trường chuẩn quốc gia	6 trường	900		900								900		
3	Hỗ trợ XD Trạm Y tế chuẩn	3 xã	450		450								450		
4	Hỗ trợ XD giao thông nông thôn	70 km	2.000		2.000								2.000		Kết hợp nguồn hỗ trợ của tỉnh và thanh toán theo KQ nghiệm thu
III	ĐA hoàn thành địa cơ quyết toán được duyệt		10.216	3.150	5.148	0	7.061	3.911	69,1	0	1.237	1.237	1.407		
1	Nhà Huyện ủy (sửa chữa, cải tạo phòng họp tầng 3 và trang thiết bị)	3/2015 - 5/2015	573		573		250	250	43,6		323	323	323		Thanh toán quyết toán được duyệt
2	Cầu áp xã Hợp Thắng	6/2010 - 8/2010	982	500	482		847	347	86,3		135	135	135		Thanh toán quyết toán được duyệt
3	Lát vỉa hè - nạo vét rãnh thoát nước Thị trấn	2014	552		552		515	515	93,3		37	37	37		Thanh toán quyết toán được duyệt
4	Cầu mương xã Xuân Thọ	12/2009 - 6/2010	2.452		2.452		2.299	2.299	93,8		153	153	153		Thanh toán quyết toán được duyệt
5	Nhà tập đa năng Trường THPT Triệu Sơn I	8/2010 - 8/2012	3.491	2.650	841		3.150	500	90,2		341	341	341		Thanh toán quyết toán được duyệt (chỉ giải ngân khi nhà thầu khác phục sửa chữa xong)
6	Sửa chữa Trung tâm Hội nghị huyện	5/2015	1.918		1.918		1.500	1.500	78,2		418	418	418		Thanh toán quyết toán được duyệt
IV	Các dự án chuyển tiếp		240.561	138.746	29.225	0	151.586	12.461	60,13	209.720	88.975	19.722	8.300		



Handwritten signature or mark in the top right corner.

TT	Tên dự án, công trình, khu vực (theo HĐ)	Số	Tổng mức đầu tư được duyệt				Kế hoạch vốn đã giao		Ước giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2016	Vốn còn thiếu		Kế hoạch năm 2016	Mục tiêu đầu tư	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)	
			Tổng số	NS Tỉnh	NS Huyện	NS Huyện khác	Tổng số	Trong đó: NS huyện		Tỷ lệ vốn đã bố trí (%)	Tổng số				Trong đó
1	Nhà làm việc HĐND và UBND huyện	2	3	5	6	7	8	9	10=8/4	11	12	13=6-9	14	15	16
1		2014	27.622				16.800	2.500	60,8	24.860	10.822		1.000		Kết hợp với nguồn vốn của Tỉnh để h. thành DA
2	Đường Ferocrom Nam Việt xã Văn Sơn	2009	44.968				27.335	750	60,8	35.974	17.633		500		Kết hợp với nguồn vốn của Tỉnh để h. thành DA
3	Đường từ Ngã ba Thôn 8 xã Tân Ninh đi Am Tiên	2011	99.293	85.318	13.975		76.716	5.161	77,3	82.336	22.577	8.814	500		Kết hợp với nguồn vốn của Tỉnh để H. thành DA
4	Công, tường rào, khán đài... khu TT VH - TT huyện	2012	4.185		4.185		2.500	2.500	59,7	2.511	1.685	1.685	1.200		Hoàn thành và quyết toán dự án
5	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	2013	4.541	3.358	1.183		2.950	700	65,0	4.087	1.591	191	150		Kết hợp với nguồn vốn của Tỉnh để h. thành DA và nhà xe (KH tính đã bỏ trị 1,4 tỷ)
6	Trạm bơm Hoàng đồng xã M.Sơn	9/2014	42.064	38.170	3.894		15.700	700	37,3	42.064	26.364	3.194	2.500		Kết hợp với nguồn vốn của Tỉnh để H. thành DA
7	Cải tạo, nâng cấp liên hồ Ngô công Đồng cổ xã Thọ sơn	3/2015 - 9/2016	13.055	10.465	2.590		8.000	0	61,3	13.055	5.055	2.590	1.000		Kết hợp với nguồn vốn của Tỉnh để H. thành DA
8	Cầu Quan Thành xã Hợp Lý	11/2015 - 5/2016	4.233	1.435	2.798		1.435	0	33,9	4.233	2.798	2.798	1.000		Kết hợp với nguồn vốn của Tỉnh để H. thành DA
9	Hỗ trợ cấp đổi GCNQSD đất nông nghiệp sau đổi điền lần 2	20133 - 2016	600		600		150	150	25,0	600	450	450	450		Chi trả theo tiến độ cấp GCNQSD đất
V	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2016		97.462	89.124	8.338	0	700	0		15.450	96.762	8.338	4.113		
1	Nâng cấp Hồ Khe thoi xã Bình Sơn	2.016	16.212	12.000	4.212		700	0	4,3	14.000	15.512	4.212	700		Kết hợp với nguồn vốn của tỉnh thực hiện DA
2	Sửa chữa nhà làm việc Khối Đoàn thể huyện	2.016	300		300						300	300	300		Triển khai T. hiện sửa chữa theo DTTK



20

TT	Tên dự án, công trình (tên gọi ngắn gọn - không vượt quá 100 từ) (HĐ)	Tổng mức đầu tư được duyệt			Kế hoạch vốn đã giao			Ước giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2016	Vốn còn thiếu		Kế hoạch năm 2016	Mục tiêu đầu tư	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)		
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Trong đó: NS huyện	Tỷ lệ vốn đã bố trí (%)		Tổng số	Trong đó					
		NS Tỉnh	NS Huyện	Nguồn vốn khác											
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8	9	10=8/4	11	12	13=6-9	14	15	16
3	Điều chỉnh quy hoạch SD đất giai đoạn 2015-2020	2016 - 2016	1.450				0			1.450	1.450	1.450	737	T. hiện theo tiến độ	
4	Kinh phí GPMB đường từ T.lộ 415 (Minh Dân) đi T.lộ 517 (Đồng Lợi)	2016 - 2017	79.500	77.124	2.376						79.500	2.376	2.376	Kết hợp với nguồn vốn của tỉnh thực hiện DA	

